

MA TRÂU

Cứ mỗi năm Xuân về, Tết đến, tôi lại nhớ quê nhà. Tính ra tôi đã xa quê mười năm. Mười năm theo chồng ra phố thị làm ăn, tưởng rằng mỗi năm có thể về viếng mộ bố mẹ một đôi lần. Nhất là những buổi đầu Xuân. Nhưng công việc làm ăn của chúng tôi lại cứ phải di chuyển đến chóng mặt. Năm nay mới cách quê có vài trăm cây số mà năm sau cách đã ngàn cây. Bởi thế, có những buổi chiều dắt đứa con nhỏ dọc bờ kênh, nhìn ráng chiều đỏ ối chân trời, tôi lại nhớ tới lời ru của mẹ:

“Chiều chiều lại nhớ chiều chiều

Trông về quê mẹ ruột đau chín chiều”

Những lúc ấy, tôi ôm chặt đứa con bé nhỏ vào lòng để dịu đi nỗi nhớ. Mà nào nỗi nhớ có vơi đi, bởi vì dưới chân hai mẹ con tôi là dòng kênh nước trong

xanh gọn từng cơn gió cuối năm, in đậm màu hoàng hôn xa tím tấp như tấm gương trước mắt. Tôi tưởng dòng kênh đó là dòng sông đang uốn lượn, bao bọc cả cánh đồng xanh bát ngát ở quê tôi. Con kênh chọt lớn dần, lớn dần và tôi thấy mịt mờ làn sương phủ, thấy vang vọng lời ngâm thơ của ông ngoại tôi qua bài Hoàng Hạc Lâu của Thôi Hiệu:

“Quê hương khuất bóng hoàng hôn

Trên sông khói sóng cho buồn lòng ai”

(Tản Đà dịch)

Khác hẳn với thời tiết chỉ có hai mùa mưa nắng ở miền Nam, quê bố tôi lại là vùng chiêm trũng. Những cánh đồng mùa hạ, sau khi lúa đã gặt xong và cả đến những cuống rạ cũng được cắt đến tận gốc thì những mặt ruộng ấy là nơi lý tưởng cho bọn trẻ chạy nhả nô đùa vì chúng đã trở thành mặt sân bằng phẳng. Nhất là bọn thả diều tha hồ mà chạy cho đến lúc cánh diều đập gió bay lên. Nhưng từ tháng bảy trở đi, sau những đợt mưa ngẫu nhiên thì mặt ruộng nhũn ra và từ đầu thu đến cuối đông chẳng hiểu nước ở đâu chảy về nhiều thế. Nước mênh mông ngập trắng

cả cánh đồng và cỏ lác cũng chẳng hiểu từ lúc nào đã nhô lên khỏi mặt nước, cọ rào rạt vào mạn thuyền chở người muốn đi từ làng này sang làng khác. Gió thu rồi gió bắc tiếp nhau làm lạnh cau cả mặt nước, cả dòng sông. Trong vườn cây chỉ có rặng tre bao bọc còn xanh lá. Mọi thứ chỉ là bộ xương khô treo giữa nền trời đông xám xịt. Muôn loài chỉ đến mùa xuân mới lại hồi sinh.

Tiếng con tôi gọi trong mơ “Mẹ ơi” làm tôi thấy tôi thời bé nhỏ. Đêm cuối đông Phương Nam, trời chỉ lạnh hơi sương. Tôi kéo chiếc mền mỏng đắp lại cho con và lòng tôi se thắt nhớ quê, nhớ nhất là chú trâu với đôi sừng đen cong cong như mảnh trăng thượng tuần. Tôi và nó đã gắn bó cùng nhau cả một quãng đời lam lũ vất vả của bố mẹ tôi cho đến một ngày nó chết rất thương tâm.

Trong bản lý lịch cá nhân của đời tôi và tất yếu là đến đời con tôi, cháu tôi sau này đều được ghi rất chính xác là giai cấp nông dân. Mặc dù thời nhỏ, bố tôi sau khi đậu được cái bằng tiểu học và thi đậu vào trường sư phạm thời Tây. Nhưng ông mới đi ngồi dạy học được một năm thì phải về nối tiếp nghề làm ruộng

của ông nội tôi. Bởi trong một buổi đi cày, ông tôi dẫm phải mảnh đạn đã sét rỉ. Không ông lang nào trong vùng, kể cả ông ngoại tôi sau này đều bó tay. Chỉ sau một tuần co giật, ông đã mất. Bố tôi đành phải bỏ nghề gỗ đầu trẻ, bỏ chữ nghĩa Tây, Ta về làm anh thợ cày. Sáng sáng bố tôi vác cày đi cày thuê, lấy tiền vun đắp vào mấy sào ruộng mà ông bà tôi quần quật suốt đời ăn nhịn, chắt chiu mới mua được của các ông Chánh, ông Lý trong làng thua sóc đĩa hoặc bài bạc bán cho. Đạo bố tôi mới đi cày, sáng sáng ra đầu ngõ, ai cũng quen miệng chào hỏi:

- Gớm hôm nay *thầy giáo* đi làm sớm thế.

Lâu dần, chắc thấy câu chào ấy không ổn. Bởi hai cái nghề mà bố tôi làm trái ngược. Thầy giáo là thầy giáo – thợ cày là thợ cày. Do đó câu chào hỏi bố tôi được gọi cụ thể bằng tên vừa thân mật lại vừa hợp với nghề ngỗng bấy giờ. Đó là:

- Gớm bác Chương sao đi cày sớm thế.

Những buổi chiều, bố tôi đi làm mệt về, ngồi dựa gốc cột. Bà kể: Lúc ấy trông mặt bố mày thâm quá, bà lại phải chọc vui cho bố tôi cười:

“Nhất sĩ nhì nông

Hết gạo chạy rông

Nhất nông nhì sĩ”

Mà bà tôi nói cũng đúng thôi. Nếu không thì cái đói năm Ất Dậu đã chẳng tha gia đình tôi trong cơn tối đen khung khiếp ấy. Hơn ba triệu sinh linh làm ma đói. Thế mới biết hạt gạo quý nhường nào.

Ba năm sau mãn tang ông, bà tôi đi cưới vợ cho bố tôi. Đây là mẹ tôi. Gia đình mẹ tôi ở cách làng bố tôi hơn bốn mươi cây số. Nếu đi bằng ô tô hay xe lửa thì từ làng tôi ra bến xe hay nhà ga cũng phải băng qua một cánh đồng khá lớn. Và dù đi bằng phương tiện gì cũng phải mất hai tiếng mới tới được quê mẹ tôi. Mẹ tôi là con gái út của ông Ký ga xe lửa chạy đường Bắc Nam. Vì thời cuộc, ông ngoại tôi xin về hưu non, xoay qua nghề làm thuốc Nam, sống cuộc đời đạm bạc trong ngôi nhà tranh ba gian hai chái của tổ tiên để lại. Ngày bố mẹ tôi lấy nhau nước ngập trắng đồng. Đám cưới phải đi bằng thuyền. Hình ảnh ngày rước dâu, trong khi vui câu chuyện lúc đã có anh chị em tôi, mẹ tôi thường bảo: “Bố các con dạo ấy đúng là anh nông dân thứ thiệt; đầu đội khăn xếp, áo the

lượng hai lớp ngắn quá đầu gối. May còn có đôi giày Tây đi dậy. Chứ nếu đi đôi guốc mộc vào thì chẳng khác gì con cháu cụ Lý Đình Dù”.

Mới cưới nhau năm Dậu, năm sau mẹ tôi đã cho ra đời cậu con trai nối dõi tông đường. Bởi sinh năm Tuất nên anh trai tôi được khai sinh là Tuất. Đó là sự quyết định của bà tôi về cái tên này. Có cháu đích tôn bà nội tôi vui lắm, bông bế cả ngày, luôn miệng chửi yêu “Cha bố thằng cún con của bà. Ăn mau chóng lớn rồi đi cày với bố mày”. Nhưng anh “cún con” vừa tròn năm thì mẹ tôi lại cho bà tôi một thằng cháu trai nữa. Anh thứ tôi sinh năm Hợi, thế là lại được đặt tên là Hợi. Nếu xét về mặt tử vi thì hai anh tôi đứng ở hàng cuối của mười hai địa chi. Rồi cách một năm sau, đó là năm Sửu tôi ra đời làm con gái của bố mẹ tôi. Bà bảo: “Mẹ tôi còn cho bà hàng tá cháu để lúc bà mất đi có đầy khăn trắng không như lúc ông mất chỉ có mỗi mình bố tôi chống gậy đưa ông”. Bởi tôi đẻ ra năm Sửu nên suýt nữa bị mang cái tên này. May quá bố tôi bảo mẹ: “Con gái ai đặt tên này, nó thiếu vẻ dịu dàng. Dịch âm Sửu là Trâu nhưng viết phụ âm đầu khác đi cho nhẹ nhàng, nghĩa là “Châu” có vẻ nữ tính

hơn". Tên này bố tôi lấy ở câu "Châu về hợp phố". Chữ nghĩa mười năm đi cày bố bỏ hết ở ruộng bùn rồi, chỉ còn trong đầu một cái điển tích lơ mơ chợt nhớ ra thì lấy đặt tên cho tôi. Lớn lên, đến ngày biết soi gương làm dáng, tôi thầm cảm ơn bố tôi. Chứ nghe cái tên con gái là Sửu nó cũng giảm phần nào cái vẻ thanh tân.

Cuộc sống của ba anh em tôi lớn lên như cỏ dại. Chữ nghĩa đều do mẹ tôi dạy dỗ. Bởi thời kỳ ấy là thời ly loạn. Cuộc đời người nông dân ở quê tôi là hai cuộc sống: Ban ngày là lính quốc gia cùng bọn Pháp kéo về lùng sục. Ban đêm là Việt Minh về tụ tập dân làng tuyên truyền cổ vũ lòng yêu nước. Nam nữ thanh niên trong làng cứ vui dần đi. Chẳng có làng xóm nào mở trường mở lớp. Thế mà lúc lớn khôn, những câu ca dao này nọ kể cả những truyện dài bằng thơ như Kim Vân Kiều hay Tống Trân – Cúc Hoa tôi cũng thuộc lòng. Sở dĩ được thế là nhờ những đêm đông tôi ngủ với bà. Tôi còn nhớ như in, mặc bên ngoài từng cơn gió bắc thổi buốt thịt da, mặc những tàu cau xào xạc trước hiên nhà, bà đã ru tôi bằng những lời thơ ấy như những người hát rong kể chuyện. Năm tôi

tám tuổi, bố mẹ tôi tậu thêm được vài sào ruộng nữa. Vị chi nhà tôi có gần hai mẫu. Hai mẫu ruộng so với nhà cụ Bá, cụ Chánh trong làng thì chẳng thấm tháp gì. Nhưng cũng được cho là nhà có “máu mặt”.

Vào thời cải cách sau này nhà tôi được đôn lên hàng trung nông. Rồi dùng một cái được đôn lên hàng địa chủ ác ôn cho đủ chỉ tiêu 5% như đội cải cách các nơi lập thành tích báo cáo lên cấp trên. Bố tôi chết trong trường hợp ấy. Gia đình tôi tan nát. Nhưng thôi, lịch sử đã sang trang. Đời người cái đại cái khôn ai cũng một lần vấp phải. Vả lại đất nước dân tộc còn có biết bao chuyện buồn đau, bao người khổ hơn mình!

Đó là câu chuyện về sau.

Năm tôi lên chín, bố mẹ tôi vào tận chợ Thanh mua về một con trâu. Đó là con trâu đực, da bóng nhẫy màu mun. Cái mõm phình to lúc nào cũng treo qua treo lại nhai sùi bọt mép. Trán gồ dội lên hai chiếc sừng bán nguyệt. Nhìn vẻ hùng vĩ của nó, nhất là đôi mắt nửa trắng nửa đen đảo qua đảo lại, tôi nghĩ rằng giữa tôi và nó khó có thể quen nhau. Nhưng ngược lại, khi anh Tuất nắm tay tôi lại gần bảo tôi vuốt ve làn da nó thì đôi mắt nó lim dim đầy vẻ dịu hiền. Lâu

dẫn tôi và nó đã quen nhau. Tôi có thể đến bên nó lúc nào cũng được. Thậm chí, những ngày được nghỉ cày, ba anh em tôi dắt nó thông thả ăn cỏ từ hai bên vệ đường ra tới bãi tha ma. Anh Hợi có lần đã bế tôi đặt lên ngồi ở lưng nó. Tay tôi cầm thùng điều khiển bắt nó đi bên nọ bên kia một cách dễ bảo. Cũng từ ngày nhà có được con trâu, bố tôi đỡ vất vả. Vì làm xong ruộng nhà, ai kêu thì bố tôi đi làm thêm không phải nhận việc cày khoán suốt cả vụ nữa. Nhờ cày bừa thêm, mẹ tôi lấy tiền mua phân tro bón lúa ruộng nhà. Các cụ ta dạy “Con trâu là đầu cơ nghiệp” quả chẳng sai.

Sau này khi gia đình ly tán, tôi được gửi về quê ngoại theo dì tôi đi học. Đọc tới truyện “Lục súc tranh công”, tôi thấy con nào kể công cũng đúng, song tôi vẫn thương trâu bởi vì nó vất vả cực nhọc suốt năm và tôi luôn luôn nghiêng về phía nó: con trâu ấy, con trâu của nhà tôi, của anh em tôi. Nó đã gắn bó với chúng tôi biết bao năm tháng vui buồn, đã đồng cam cộng khổ cùng bố tôi những ngày mưa dầm gió bắc. Người và vật đội rét, bì bõm lội bùn. Những ngày ấy, mùa ấy tôi còn nhớ như in, lúc xong công việc, dắt nó lên bờ về chuồng giữa cánh đồng mênh mông gió

buốt, nó rùng mình, làn da khô cau lại và chiếc mồm của nó nhồi liên tục. Phải chăng nó đang cố nghiên răng để chống với cái lạnh. Tôi thương nó quá trong những mùa đông ấy và thường ủ một đồng trống thật lớn đốt phía bên ngoài thanh chắn cửa chuồng. Hơi nóng của khói, của lửa tỏa ra khắp chuồng. Nó nằm đôi mắt lim dim, làn da phẳng lì căng bóng đầy lớp lông xuôi hết về phía sau. Rồi Tết đến, trong suốt năm năm trâu ở với người, cứ sáng mồng một Tết mẹ tôi thường nấu một nồi cháo hoa để nguội, sau đó sai anh Tuất bê đổ vào chiếc máng heo cho trâu uống. Còn tôi, tôi thường ra hàng rào hái mớ hoa dâm bụt màu đỏ, vài bông hoa vông vang màu vàng nghệ rồi bện dây chuối, xâu thành một vòng hoa khoác lên cổ trâu, dắt nó đi dọc bờ đường cái cạp những ngọn cỏ mùa xuân xanh mơn mớn.

Tết qua đi, bố tôi – ông thầy giáo thợ cày, lại cùng trâu lầm lũi ra đồng. Nhưng rồi có một ngày từ xóm dưới làng trên, tiếng trống tiếng loa vang dội. Cánh đồng bỗng im vắng hơi người, có tiếng khóc bay cao. Tiếng kêu trời gọi đất. Trời im, đất lặng. Người ta xô xao giành nhau chia quả thực, chia đất, chia nhà và

những thửa ruộng mọc lên những bảng tên chủ mới. Bốn mẹ con tôi chẳng kịp chít khăn tang, trôi về quê ngoại và con trâu thân yêu cũng được đưa về Hợp tác xã chăn nuôi của nông trường.

Từ đó quê hương vời vợi trong đám mây mù. Bốn năm sau, trong một đêm cuối đông, ba anh em chúng tôi đã thuê người hốt cốt cho mẹ tôi. Người mất ở nơi đã sinh ra và muốn đời đời nằm trên mảnh đất quê chồng, bên cạnh bố tôi. Dưới ngọn đuốc lúc sáng lúc mờ, nhìn nắm xương tàn của mẹ, tôi chỉ còn biết nuốt nước mắt thương người. Sau khi đã rửa sạch cốt bằng rượu và nước hồi thơm, anh Tuất gói cốt mẹ tôi vào tám khăn đỏ, cẩn thận bỏ vào túi xách cho tôi đeo. Còn anh và anh Hợi luân phiên nhau vác chiếc tiểu sành ra ga. Lần đầu tiên anh em chúng tôi lại được trở về quê. Trong lúc ngồi trong toa, có vài người tò mò nhìn chiếc tiểu sành đậy kín và chỉ đến khi người kiểm soát tàu lên hỏi. Anh Tuất mới mở nắp ra và bảo: “Tôi mua về để *sang áo* cho bà cụ. Nơi tôi không có nên mới phải lặn lội lên đây mua về”. Lúc ấy tôi mới thấy anh tôi thật lo xa. Nếu không thì đã gặp rắc rối rồi. Tôi cúi nhìn chiếc túi xách trước ngực đưng

xương cốt mẹ tôi, nghĩ tới ngày xưa mẹ ôm tôi trong lòng âu yếu nựng nịu, nay tôi ôm mẹ tôi mà buồn tủi vô cùng.

Anh em tôi xuống ga, vượt qua cánh đồng làng đến bãi tha ma thì trời đã mờ mờ sáng. Mấy người em họ của chúng tôi đang ngồi đợi ở bên mộ bố tôi. Bốn năm trôi qua không ai tảo mộ, hương khói nên cỏ dại mọc um tùm, lau lách cao vượt khỏi đầu người. Mọi người bắt tay vào dọn dẹp. Bỗng anh Hợi tôi kêu lên: “Trời ơi! Sao lại có cái sọ trâu để trên mộ bố thế này?” Anh giơ hai tay nắm hai bên sừng định quăng đi thì chú em tôi vội bảo: “Anh đừng ném đi. Làm xong mộ bác gái, em sẽ kể cho các anh các chị nghe về cái sọ trâu này”. Linh tính tôi chợt bảo: Hay đây là con trâu của nhà mình đã chết?

Từ lúc chủ mất, con trâu được đưa vào tổ hợp sức kéo của Hợp tác xã nông nghiệp. Nó bỏ ăn, nằm nghiêng một bên sườn, đôi mắt đỏ ngầu tia máu. Bọn nhỏ được phân công tính điểm nuôi trâu tới tháo dây đi chăn, giứt dây thừng tưởng như sắp đứt cả mũi, nó vẫn nằm y. Thậm chí mấy anh lực điền đến dẫn nó đi

cày, nó cũng chỉ đứng dậy rồi cúi đầu ghì lại không đi. Người ta báo cáo lên Ban chủ nhiệm. Phó chủ nhiệm lúc ấy là Thứ – trước ở bên đội dân quân, người đã xử tên địa chủ “Thầy giáo thợ cày” – nay được điều lên làm Phó chủ nhiệm - một nơi có cửa ăn của để này - rít một hơi thuốc lào xong, trợn mắt quát:

- Dẫn không đi thì đánh bỏ mẹ nó, xem nó có đi không?

- Dạ, em lấy roi tre quát túi bụi mà nó cứ ghì lại ạ.

- ĐM. Để tao ra coi hay nó muốn ăn “kẹo đồng” xuống âm ty cày với thằng chủ nó. Vừa nói, Thứ vừa với tay thước dựa phía sau ghế ngồi, bước sang bãi buộc trâu.

Tới nơi, Thứ bảo anh lực điền tháo dây ra. Trâu vẫn ghì lại không đi. Thứ diên tiết cầm tay thước đập liên tiếp vào mõng trâu. Con trâu bị đánh đau, giứt dây lỏng lên quay đầu lại, nhảy chồm lên Thứ, nhưng Thứ đã nhanh trí nấp vào gốc cây muỗm rồi quay ngoắt chạy như ma đuổi vào Ủy ban xã nằm bên cạnh. Con trâu phóng đõ hàng rào rồi chạy thẳng ra đồng. Hoàn hồn, Thứ trở về hô đội dân quân và nhóm thanh

niên trong Hợp tác xã chạy đi bắt trâu. Đám con nít cũng hò hét theo người lớn. Cả làng nhốn nháo. Tin truyền đi: “Con trâu địa chủ Thầy giáo – Thợ cày phát diên chạy mất rồi” – nhanh hơn cả tin bộ đội ta bắn cháy tàu Ma-đốc của đế quốc Mỹ.

Trâu chạy tới đâu, các xã viên cũng lấy cớ bắt trâu để nghỉ tay. Cả cánh đồng lúc ấy đầy bóng người vừa chạy vừa la như bắt cướp. Nhưng càng đuổi, trâu càng chạy nhanh, cuối cùng sợ trâu chạy sang làng bên sẽ mất nên Thứ ra lệnh ngừng đuổi. Sau mấy ngày theo dõi, một anh du kích về báo là cứ đến chiều tối trâu lại vào bãi tha ma và nằm bên mộ lão Chương. Thứ bèn lên kế hoạch phân công cho bốn người phục kích bốn phía Đông Tây Nam Bắc bò dần về chỗ trâu nằm. Riêng Thứ dùng khẩu CKC tiến vào đối mặt với “địch thủ”. Bị trâu rượt lần trước, Thứ đã tức diên lên nên quyết tâm bắn nát đầu nó hôm nay. Vừa bò đến gần, tìm một vị trí thích hợp, Thứ nâng nòng súng trực diện vừa lẩm bẫm: “Đầu thằng chủ mày nhỏ như trái bưởi tao còn bắn nát. Đầu mày to như cái mông của em Liễu – vợ thằng chủ nhiệm thì làm sao thoát khỏi tay tao”. Sở dĩ Thứ so sánh như vậy vì tức chỉ được

làm chức Phó thôi, mà vợ lão chủ nhiệm nhờ ngồi mát ăn bát vàng do chức tước béo bở của chồng nên người càng ngày càng nẩy nở, vú dít xấp xỉ bằng nhau. Những lúc trà dư tửu hậu cùng đám đàn em, Thứ thường châm biếm “Bà chủ nhiệm có cái ngực tấn công, mông phòng thủ kín kẽ”. Nghĩ tới đôi mông ấy, Thứ nhắm một bên mắt bóp cò liên tiếp. Con trâu chồm lên nhưng chỉ học được một tiếng rồi nằm gục xuống. Đôi mắt trợn trừng nhìn đám người tay súng lăm lăm tiến lại. Thứ lấy chân đá vào mõm trâu chửi: “ĐM mày, chồm lên nữa đi, rượt ông nữa đi!”. Rồi ha hả cười. Tiếng cười thỏa mãn xoáy vào đêm đen. Con trâu được xẻ thịt ngay tại chỗ trong ánh đuốc cháy bập bùng vì làm sao khiêng nổi về làng. Thứ sai chặt cái đầu trâu đặt trên mả tên địa chủ và trước khi bọn người vác “chiến lợi phẩm” về trụ sở, Thứ còn quay lại chửi thề lần nữa: “ĐM cho mày về cày bừa dưới âm ty với chủ mày nhé!”. Cả ngày hôm đó, cơ quan nhộn nhịp người ra kẻ vào. Xã viên được nghỉ. Kẻ đứng người ngồi lòng cứ rộn lên theo tiếng dao tiếng thớt vì lâu lắm chưa có “chất tươi” vào bụng. Cảnh đợi chờ chẳng khác gì sự vinh dự của câu “Một miếng giữa làng bằng một sàng xó bếp” ngày xưa. Riêng cô

lòng thì làm được vài mâm để họp liên hoan mừng chiến thắng... trâu. Thứ là người được ca ngợi so sánh như anh chàng Võ Tòng đả hổ trong truyện Thủy Hử. Người ta “bốc” Thứ thế thôi chứ Võ Tòng đánh hổ bằng tay không còn Thứ giết trâu bằng khẩu CKC. Và lại, Thứ nào có biết gì về Võ Tòng Võ Tiếc là ai mà ngưỡng, nên cứ đưa ly nào là Thứ làm đến ực một cái và cuối cùng nằm gục xuống bàn. Thậm chí say quá, Thứ đái cả ra quần lúc nào cũng chẳng biết. Ông Phó Thứ đã say như thế, còn ông Chánh thì cũng đã đổ giọng lè nhè lảo đảo đứng dậy hô tiếng mất tiếng còn: “Tan hàng! Mai chiến đấu tiếp”. Rồi ông ra lấy chiếc xe đạp Phượng Hoàng do Trung Quốc sản xuất, nhảy lên. Tay lái bên Đông, bánh xe quay phương Tây. Ông bóp phanh cho xe dừng lại lẩm bẫm một mình: “Xe tăng ông còn lái vèo vèo chứ thứ ngựa sắt này là cái quái gì!”. Quả thực, trong kháng chiến 9 năm làm gì đã có binh chủng tăng thiết giáp. Nhưng vì được xem các phim của Liên Xô thấy binh chủng này của Hồng quân tiến ào ạt về Berlin như thác đổ nên ông bị ám ảnh và lúc nào cũng tưởng mình là cái anh tài xế ấy. Nay trong cơn say nửa vời ông có ảo tưởng mình là tài xế lái xe tăng thật. Nhưng rồi cơn gió đêm mát lạnh

làm ông tỉnh cả người. Về tới cửa nhà thấy bên trong ngọn đèn hạt đỗ vẫn còn mờ tỏ. Ông gõ cửa một lúc lâu chị vợ mới lê đôi guốc ra. Tiếng guốc nặng nề chán nản. Song cánh cửa vừa hé nửa phần, chị đã thấy chồng luồn tay ôm cứng. À thì ra rượu vào làm ông hưng phấn hừng tình. Câu nói nửa miệng của chị em truyền cho nhau: “Thứ nhất là đũa ngà ngà, thứ nhì là kẻ đi xa mới về”. Có lẽ là lúc này đây. Đã bao đêm chị thèm khát, nhưng chắc vì “việc quan” vất vả nên cứ cơm nước xong là ông lại lên giường nằm lăn quay ra ngủ. Những lúc phấn khích chị chỉ còn biết lấy tay sờ mó trên người ông để *giảm nhiệt*. Thế mà đêm nay... đêm nay... chị vợ bèn nũng nịu: “Vào nhà đi. Trời nực quá để em đi dội vài gáo nước cho mát”. Tắm xong, chị khoác chiếc áo cánh dài mỏng che quá mỏng. Ngọn đèn hạt đỗ được vặn nhỏ hơn chút nữa. Chị cởi áo vắt lên thành ghế. Cả một bầu vú như hai trái dừa bô chườm lên quá miệng chồng. Ông lính tăng thiết giáp vật được vợ xuống hùng dũng như hổ vồ mồi. Mắt Liễu lim dim thưởng thức từng cơn khoái cảm, nghe tiếng ì ọp như những ngày đói khổ phải đi tìm từng ổ hang cua để mồi. Đôi mắt Liễu đưa qua đưa lại, cũng cùng lúc đó ông chủ nhiệm rùng mình

và mồ hôi toát ra. Ông rơi vào trạng thái mơ hồ thấy sức cứ yếu dần đi. Ông bơi trong cái vùng nửa tỉnh nửa mê ấy, thoáng trong giây phút ông thấy mình không thể yếu đi như thế này được. Nhưng lực bất tòng tâm, ông lịm dần đi trên bụng vợ chẳng khác gì chiếc xe tăng trong tưởng tượng của ông tuột xích nằm im. Thấy chồng không nhúc nhích, Liễu mỉm cười, lấy tay cấu yêu lên lưng nhưng không thấy tiếng cười “ùng ục” của ông như mọi khi. Liễu nâng đầu ông dậy rồi nghiêng mình qua một bên. Ông bất động chân tay thõng thượt. Hoảng hốt đưa tay vặn to ngọn đèn, Liễu thấy đầu ông ngoẹo sang bên, một dòng nước miếng chảy dài xuống chiếu.

Tin ông Chủ nhiệm hợp tác xã nông nghiệp bị “đột quy” sau buổi liên hoan về lan đi rất nhanh. Người ta kéo đến đầy nhà để hỏi thăm cũng như tò mò xem có phải ông chết vì đứt máu não hay chết vì thương mã phong. Nhiều kẻ thì thăm: nốc rượu vào còn về vẫn vợ, mà cái con vợ ấy nó to như cái hồ lô, rốn biển Đông còn chưa chứa nổi chả là cái lão chủ nhiệm người gầy như que củi làm sao mà không kiệt sức chết. Duy chỉ có Thứ là mừng nhất. Kể từ nay chức

Phó sẽ được đôn lên chỗ ngồi của kẻ vừa qua đời. Bởi thế khi nghe tin chủ nhiệm bất đắc kỳ tử, mặc dù đầu óc còn choáng váng do bị chuốc rượu tối qua, Thứ cũng kéo vội chiếc áo, nhảy lên xe đạp, đạp vội tới đầu làng rẽ thẳng vào cơ ngơi của vị chủ nhiệm quá cố. Đạp vội như thế chẳng phải là tình cảm chân thành của Thứ mà là cái đầu luôn nghi ngờ để xác định thực hư cầm chắc cái tương lai chức tước của mình. Quãng vội chiếc xe nằm chổng chơ bên mép đường, Thứ chạy vội vào nhà chủ nhiệm làm như thương tiếc sự ra đi đột ngột của sếp mình. Đôi mắt chủ nhiệm trắng dã như mắt heo luộc chưa nhắm kín, miệng còn há như cố kéo hơi thở trước lúc lâm chung và hai bên mép vẫn còn rỉ ra hai dòng nước dãi. Thứ kéo tấm khăn che mặt lại nhìn sang Liễu hơi nhếch mép – cái nhếch mép rất đều như ngầm nói cho Liễu biết là chẳng phải đột quy đột quyết gì mà “ngài” chết chỉ vì ngã ngựa mà thôi. Thứ nhìn xoáy vào ngực Liễu rồi ngược lên bảo trống không: “Chắc phải nhờ bên y tế khám nghiệm để xác nhận anh mất vì “nhiệt tình công tác” hầu xin vài tấm huy chương...”. Nghe Thứ nói, Liễu chợt dạ thầm nghĩ: nếu nó mà khám phá ra chồng mình bị chết vì... thì mất mặt. Cái danh dự chút

xíu trong lòng người đàn bà vẫn còn trĩu dậy. Nàng nghĩ ngay đến thằng đàn ông trước mắt, mỗi lần thấy nàng là lại giương đôi mắt hau háu như chó thiếu phân... Ngay bây giờ đây thôi, đứng bên xác chết của “sếp” mà Thứ cũng chẳng e dè, Liễu bèn áp dụng ngay mỹ nhân kế, nàng tiến sát lại bên Thứ. Một tay giả dò lật khăn phủ mặt chồng, tay kia nắm chặt tay Thứ bảo: “Ông ấy đã mất thì thôi đừng làm tội thân xác ông ấy – khám xét mổ sẻ làm gì. Chết vì nhồi máu cơ tim chứ có phải án mạng án miếc gì. Chú đứng lo liệu cho chị. Muốn gì chị cũng chẳng tiếc”. Rồi Liễu luồn ra sau, cố tình ép bộ ngực vào lưng Thứ. Thứ nhũn người ra, sau phút giây như điện giật ấy, Thứ tỉnh người, biết chắc rằng con cá đã ở trong lò, bắt lúc nào chẳng được, bèn bảo: nói là mời y tế xét nghiệm chứ thực ra tụi nó biết đéch gì. Trưởng trạm y tế làng mình cũng mới chỉ là một anh y tá. Ngay cấp quận, cấp tỉnh bác sĩ còn đếm trên đầu ngón tay. Nghe đâu để đủ cơ số của ngành người ta đã cho các ông bà y tá đi học chuyên tu, chuyên tiếc gì đó, cứ vài tháng một năm là thành bác sĩ ráo. Cầm kim chích chưa xong làm sao cầm nổi cái dao mổ, nên lúc này tôi nói là nói cho có bài bản về cái chết bất đắc kỳ tử của anh

thôi. Chị cứ yên tâm, tôi sẽ liên hệ với các ban ngành bên Ủy ban tổ chức đám ma anh thật “hoành tráng”. Liễu cầu vào cánh tay Thứ đẩy ra nhà ngoài. Thấy con thú đã chịu đòn, Thứ cũng lùa tay ra sau vổ nhẹ vào mông Liễu. Chủ nhiệm nằm đấy nào có thể làm Trang Chu ngồi dậy gõ bôn mà hát!

Ngay từ hồi nhỏ, Thứ đã rất xấu trai, tui trẻ trong làng không thèm gọi tên mà gọi nó là thằng Vấu. Bởi cái miệng có hàm răng đưa ra quá cỡ nên đôi môi khó ngậm kín lại. Hai mắt Thứ lại ti hí như mắt lươn, song vóc dáng lại to lớn kèn càng so với mớ tuổi mười lăm. Da Thứ đen sạm bởi vì suốt ngày Thứ bơi lội ven sông cái. Nơi dưới chân đê là chiếc lều cất vó của bố Thứ và sát bờ đê là túp lều gia đình cư trú đã mấy đời. Mẹ Thứ mở quán dưới một gốc vải cổ thụ bán lật vặt vài quả chuối, vài trái ổi cùng một ấm chè tươi và vài lít rượu bán lẻ cho khách qua đường. Khách bộ hành thì ít, chỉ có những ông lính thợ, lính kèn trong làng đi lính cho Pháp “cáo lão về hưu” là thường ra tụ tập uống vài chén rượu, nói chuyện bù khú với nhau. Nhiều hôm cần mỗi nhắm thì Thứ được mẹ sai

xuống chỗ cất vó đem vài con cá hoặc ít tôm lên bàn nhậu. Lúc đó là lúc Thứ được ngồi bên vừa nướng cá, nướng tôm, vừa nghe đủ thứ chuyện “trẻ con không nên nghe” như:

- Cụ bảo là cụ đã ôm *đằm* rồi. Vậy cái mùi của nó ra sao?

- “Ồ ồ ô! Nếu lúc chưa “lâm trận” thì chỉ thấy da thịt nó được xúc nước hoa thơm ngát. Nhưng khi mình vằn nó toát mồ hôi thì toàn là mùi tỏi với mùi hành tây...”

- “Đằm nó to như thế mà cụ là dân “An Nam mít” nhỏ con làm sao đủ sức hử cụ?” – Ông lính kèn không được sang *mẫu quốc* hỏi cụ Đội khố đỏ. Tớp ly rượu xong, đặt đến cách xuống mặt bàn, cụ cười hì hì trả lời:

- “Ày cách ngôn (?) của đế quốc (?) Gô-loa đã có câu: Né-pa-lông; Né-pa-gờ-rô, sé-lông-tằng” (n'est pas long; n'est pas gros, C'est longtemps)

- “Thưa đó là tiếng gì ạ?”

- “Tiếng Tây chứ còn tiếng gì nữa. Thời tớ đồn trú ở Mạc-xây-è (Marseille) lên Paris chơi. Lang thang gặp

một con đằm cỡ cũng gần tám chục ký, nó rủ về nhà nó chơi. Rồi nó bảo nó muốn thưởng thức anh An Nam thuộc địa ra sao? Tớ nhớ tới câu cách ngôn (?) mà thằng đội Pháp đã dạy cho. Thế là tớ áp dụng. Quả nhiên chiến trận xong, nó nằm thẳng cẳng như con cá chết trôi. Tớ vừa nhồm dậy thì nó lại vít đầu tớ xuống chỗ bụng dưới của nó và bảo: *Ăng-cò-đờ-gièm-phò* (*encore, deuxième fois*). Nghe nó nói vậy, tớ hết hồn, kéo quần chạy vội”.

Biết bao cuộc họp mặt, bao lời, bao chuyện tục tĩu của lớp lính tráng ấy đã ăn sâu vào tâm trí của Thứ nên càng lớn nó càng khao khát chuyện trai gái để thực hiện những điều đã được nghe. Trong nó sôi sục dục tính, nhưng không đưa con gái nào yêu nó cả.

Khi Thứ mười sáu tuổi thì bố Thứ bị nước cuốn trôi không tìm thấy xác. Thứ nổi nghề bố được vài năm thì bà mẹ lại bị chết vì nạn đói bốn lăm. Thứ sống sót nhờ hồi đó chăn trâu cho nhà Bá Thành khi cuộc sống trên bờ sông với cái vó truyền đời, không đủ tằm tép nuôi thân. Đến sau thời cải cách thì đời Thứ sang trang. Từ ban an ninh, Thứ nhảy một nước

lên Phó chủ nhiệm Hợp tác xã, nhất là ngày nay cơ ngơi của Thứ là một gian khá rộng trong căn nhà năm gian của Địa Bá Thành. Không những đã có chức có quyền, Thứ lại có vợ. Tưởng rằng với bộ mặt ấy, duyên số sẽ khó đến với Thứ. Ai ngờ lại quá nhanh, cũng chỉ là cô gái sát vách thôi. Đó là gia đình thuộc loại rể cái, nhưng an phận với cảnh nghèo. Hai ông bà hiền lành bao nhiêu thì đưa con gái tên Sứ lại tinh quái và thâm hiểm bấy nhiêu. Mười hai tuổi Sứ được mẹ dẫn đến xin làm người ở cho nhà Quán Thịnh. Thế là cả nhà Sứ đều làm việc ở đây. Bố Sứ làm lực điền, ngày ngày đến dắt trâu đi cày, còn mẹ Sứ mùa cấy mùa gặt đều có việc không ngơi tay. Mùa cải cách bưng bưng khí thế. Dưới ánh đuốc bập bùng, Sứ đã nhảy lên xĩa tay vào mặt Quán Thịnh, cao giọng hét theo lời mớm của anh Đội: “Thằng này! Mà có nhớ đã đê tao ra hiếp mấy lần rồi không? Tao kháng cự thì mày dọa đuổi cả nhà tao không cho làm nữa... tao đành chịu để cho mày làm gì thì làm...”. Nói xong Sứ nhổ toẹt bãi nước miếng và mặt Quán Thịnh. Quán Thịnh nghiêng đầu tránh được rồi to tiếng: “Dạ thưa bà, cái bản mặt bà đẹp như Thị Nở thế

này có trét vàng thì con cũng đ. Vào". Tòa chẳng biết Thị Nở là ai chỉ biết rằng tên địa chủ này nhận tội là "đ. Vào" tức đúng như lời tố của Sứ bị hãm hiếp nên bản án được tuyên như sau: Tên này đi lính cho Pháp được "phong" đến chức quản mà khi Tây chạy vào Nam lại không đi theo tức được gài lại làm gián điệp. Thứ hai là đã bắt con gái gia đình cố nông để hãm hiếp. Do đó, tên này phải đền nợ máu với nhân dân...". Sứ được chia một gian nhà cạnh nhà Thứ. Hai nhà lấy cót làm vách ngăn và chỉ có mình Sứ dọn đến ở. Bố mẹ Sứ chửi con gái mình ăn ở thất đức, vô ơn nên hai ông bà vẫn quanh quẩn nơi nhà cũ.

Một buổi trưa mùa hè, hai bên nhà vắng lặng. Sứ cởi phanh cúc áo, tay phe phẩy chiếc quạt mo, nằm nhìn lên mái ngói âm dương đang có cơ sụp xuống, rồi ngủ quên lúc nào không biết. Đôi vú nhẹ nhàng lên xuống theo nhịp thở. Vừa lúc ấy Thứ ở cơ quan về. Hơi rượu hòa vào cái nóng giữa hè, Thứ cởi áo vắt lên thành giường định làm một giấc. Bỗng nghe bên cạnh có tiếng ú ớ của Sứ trong cơn mơ. Thứ tưởng nhà Sứ xảy ra chuyện gì. Tò mò Thứ leo lên đầu

giường nhìn qua, Sứu nằm đó, ngực phanh thõn thẹn... bao nhiêu câu nói, bao nhiêu hình ảnh dung tục của các bác lính thợ, lính kèn ngày xưa kể bên bàn rượu bùng lên dữ dội trong đầu Thứ. Thế là Thứ nhẹ nhàng cởi từng buộc lạt ngăn phòng, rồi Thứ phủ lên Sứu không khác gì con ngan đực đang dìm bẹp con ngan cái mỏng manh làm tình trong một vũng bùn. Sứu vừa định kêu lên thì cái miệng răng hô của Thứ đã lấp kín. Hai tay Sứu lúc đầu còn xô đẩy tấm thân hộ pháp ấy ra nhưng sau lại từ từ ôm chặt lưng Thứ cấu véo. Đôi chân Sứu dặng ra, co lên theo từng hồi rên ư ử. Xong. Thứ vạch cốt chui về. Sứu vẫn còn nằm lịm trong cơn thống khoái. Nó nghĩ nếu mà bị hiếp sướng như thế này thì nó chẳng nở nào nghe lời anh Đội dạy nó tổ tên Quán Thịnh hiếp nó mấy lần làm gì. Thế là cuối tháng đám cưới được tổ chức theo lối mới văn minh thời thượng, dẹp bỏ cái loại chạm ngõ, coi mặt cưới cheo gì đó của bọn phong kiến tư bản lạc hậu. Cái vách liếp chia phòng cũng được dẹp bỏ. Nhà Phó chủ nhiệm từ đó rộng ra, được kê thêm chiếc kỷ trà có dàn nho, con sóc chạm trở tinh vi do một bà cuối thôn được chia quả thực bán lại. Đến cuối năm ấy, vợ Thứ sinh non. Con chết, mẹ bị hậu sản. Người Sứu cứ càng

ngày càng xanh rớt như tàu lá. Mặc dù Sứu là vợ cán bộ có *tiêu chuẩn chữa bệnh cao* ở cấp y tế xã, nhưng bà y tá kiêm y sĩ bác sĩ trưởng trạm kê toa cho thuốc, uống mãi, chích mãi cũng không thuyên giảm, phải đưa lên tuyến Huyện. Tuyến Huyện khám bảo ung thư tử cung phải chuyển lên tỉnh. Chờ đợi đến hơn tháng, ăn dầm nằm dề, Sứu mới được làm phẫu thuật cắt bỏ khối u, không may vết cắt lại bị nhiễm trùng. Vài tháng sau thì Sứu chết.

Từ lúc hai người tỏ tình với nhau không bằng lời nói, không bằng con mắt đong đưa mà chỉ là cấu véo thì lòng Thứ như mở hội. Thứ đạp xe về để lên kế hoạch tổ chức đám ma cho chồng Liễu thật “hoành tráng” như lời đã hứa. Cổ xưa thì như lời Từ Hải bảo Kiều “Một lời đã biết đến ta – Muôn chung nghìn tứ cũng là có nhau” – Mai sau thì như Phùng Quán không có giấy có bút cũng nhất định lấy dao làm thợ đá đẽ thơ. Còn nay thì... khoái chí, Thứ nằm lăn trên giường ngheu ngao bài “Hò kéo pháo”, nghĩ tới cặp vú, đôi hông của Liễu buổi sáng sớm mới cọ vào người mà Thứ đã cảm thấy nóng ran cả người.

Song thân hình Liễu phốp pháp to như mấy con đằm mà lão Đội ngày xưa đã kể, phải làm sao chiến thắng. Thứ vội lục tìm mấy câu “cách ngôn” hơn chục năm qua đã nghe. Thứ bỏ hát bài “Hò kéo pháo” để hết tâm trí nhớ lại hình ảnh, lời nói của lão đội khổ đở. Một lúc sau Thứ lẩm bẩm đọc: “Né pà lông, né pà gô, xé lông tăng” – “Ồ ô ố” Thứ bắt chước lại giọng thỏa mãn chiến thắng của lão Đội mà cười một mình. Thế là chiến lược, chiến thuật đã xong, Thứ chợt nghĩ tới phải thành lập ban tang lễ cho chủ nhiệm quá cố thường được nghe qua đài mỗi khi có các quan chức nhà nước mất. Mình là người phải đứng ra đọc diếu văn chứ còn ai nữa. Nghĩ là thế, song Thứ cảm nhận rằng chữ nghĩa mình “vắng vẻ”. Nói thì hoa trôi nước chảy đầy, nhái lại như vệt đầy, nhưng viết lách thì Thứ thấy cầm dùi đục còn dễ hơn. Thế là Thứ vội mặc áo, đạp xe ra trạm thông tin văn hóa... Cũng may vừa tới thì Trưởng ban thông tin Tuấn đang ngồi rít thuốc Lào vật. Thứ nháy Tuấn ra quán rượu vắng vẻ xéo chợ làng. Không đợi Tuấn hỏi “Quan anh” có chuyện gì như mọi khi hai người qua lại nhờ nhau ký lúa, con heo... Thứ lên giọng: “Cho lít *quốc lủi* ngay! Còn mực khô hay lòng heo cho

vài đĩa". Chị chủ quán tươi cười vâng dạ, đem các món Thứ kêu rồi cũng "lủi" vào trong như quốc vì chị hiểu rằng nhờ sự kín miệng nên hàng chị luôn có các quan tới bàn chuyện *mở mang kinh tế, lo việc làng việc nước*. Và lúc các quan tan hàng, chị nói bao nhiêu là được chi bấy nhiêu. Có khi còn được cho luôn chỗ tiền lẻ. Khi chủ quán đã vào trong, Thứ nâng ly chạm ly Tuấn rồi thì thầm:

- Có chuyện phải nhờ ông đây!

- Chủ nhiệm cứ "dạy"

Thứ nghe Tuấn bốt mình thấy mát lòng, nhưng vẫn làm ra vẻ bi thương đối với vị chủ nhiệm vừa chết.

- Ấy, cậu đừng gọi tớ thế. Người ta nghe thấy lại tưởng tớ...

- Nhưng chỗ đó là chỗ của anh. Chứ còn ai thay thế được. Xưa nay cứ "chánh" đi thì "phó" thế. Mà ông anh gọi đàn em ra đây chỉ đạo việc gì?

Thứ nuốt miếng dồi heo rồi ậm ừ:

- Tớ nhờ cậu viết cho bài diếu văn để đọc hôm đưa đám lão chủ nhiệm.

- Ô, tưởng chuyện gì khó. Cái đó là “nghề” của đàn em. Chứ nếu viết về hoan hô, đả đảo thì mới khó. Vì còn phải tìm các sách lý luận đọc cho kỹ, có khi mất mấy ngày trời rồi mới cầm bút viết cho đúng lập trường quan điểm. Việc của đàn anh nhờ là loại “thương vay khóc mướn” có sẵn khung rồi chỉ thay đổi tên tuổi người chết, tuổi tác, quê quán, thành tích, huân chương, huy chương là xong.

- Dễ thế à? Thứ tròn mắt nhìn Tuấn.

Tuấn thò tay với bao thuốc Thủ Đô của Thứ. Rút ra, châm lửa, kéo một hơi. Rồi nhìn theo làn khói, đọc như học trò trả bài học thuộc lòng cho cô giáo... *Này là lãnh đạo cơ quan và gia đình cũng như các y bác sĩ đã hết lòng cứu chữa nhưng vì tuổi già, sức yếu lại mắc căn bệnh trầm kha nên đã qua đời vào lúc ngày tháng năm tại tư gia*

Thứ ngắt ngang “bài thuộc lòng” bảo Tuấn:

- Ông ấy mới có năm mươi sao lại bảo tuổi già sức yếu? Mà có cơn bệnh trầm kha con mẹ nào...

- Thế sao bảo là xuất huyết não do công tác đa đoan?

Lúc ấy Thứ đã ngà ngà say, nhếch mép cười bảo Tuấn:

- Công tác đa đoan cái con mẹ gì? Nốc rượu vào rồi về phi ngựa nên...

Tuấn cũng cười hì hì:

- Cái “khung” nó đã có sẵn – dù chết về cái gì chẳng nữa cũng vẫn phải ca. Bởi vì đó là hàng quan chức của làng ta.

- Thế còn đoạn sau thì thế nào?

- Thì là thành tích như đã công tác gì? Ở đâu? Được thưởng gì?

- Có mỗi cái huy chương “chiến sĩ Điện Biên về vang” chứ có cái đếch gì?

- Thì mình cứ “hoa lá cành” vào. Nói phét có mất tiền mua đâu anh mà anh lại còn được ca ngợi là viết điệu văn hay...

- Vậy cậu viết đi, mà bao giờ đưa cho tớ. Đừng cho ai biết tớ nhờ cậu nhé!

- Ông anh cứ yên trí, chuyện như chuyện bí mật quốc gia mà. Tối nay đàn em về chong đèn lên viết. Sáng mai là có đưa ông anh ngay.

- Sáng mai?

- Dạ, sáng mai.

- Cũng ở quán này nghe. Chăm lấy bao thuốc mà hút cho ra vãn.

- Dạ cũng ở quán này. Cám ơn ông anh.

Trong lúc dàn kèn bát âm còn sót lại từ thời Tây nỉ non điểm vài tiếng trống bung bung mà Liễu thuê về để khóc chồng trong đêm ma chay hiu quạnh hoặc để đánh thức hồn ông chủ nhiệm dậy chứng kiến tấm lòng thành của người tới phúng điệu thì ngoài thôn người ta xì xầm ở bãi tha ma có con trâu ma. Cứ một đồn mười, mười đồn trăm rằng trên cánh đồng nằm sát chân đê khi bóng chiều chập choạng là lại thấy con trâu lang thang ăn cỏ. Du kích trong làng đã có vài anh đi “đánh lể” rình bắt về. Xem trâu của hợp tác xã làng nào thì đem tiền đến mà chuộc. Song lúc đến gần ba bốn người tưởng đã bắt được thì nó lại nhăm ngay chỗ hở chạy vào bãi tha ma biến mất. Có người bạo gan lần mò theo vết chân trâu thì thấy vết chân ấy chỉ chạy tới mả tên “thầy giáo – thợ cày” là hết. Chuyện trâu ma nhạt dần

trong dân, nhưng lại nhắc đi nhắc lại trong những đêm bên bàn rượu ở gia đình chủ nhiệm sau những bữa cúng cơm ma. Đêm cuối cùng, chuẩn bị cho buổi lễ động quan vào sáng mai, Thứ cho mời ban tang lễ do Trưởng ban văn hóa thông tin đã viết danh sách ở bản diếu tang tới hội họp. Tang chủ, góa phụ chủ nhiệm đã tỏ lòng biết ơn bằng mấy bàn tiệc. Dưới ngọn đèn dây đỏ quanh treo ở hiên nhà. Góa phụ mặc đồ tang chế ngồi sát bên Thứ – Trưởng ban lễ tang – rót rượu mời mọi người. Câu chuyện trâu ma lại được đem ra bàn. Thứ đặt mạnh ly không xuống mặt bàn bảo Tuấn:

- Đây là nhiệm vụ của anh Tuấn. Phải làm sao cho bà con chấm dứt chuyện ma quỷ đi. Thời hiện đại XHCN làm gì lại mê tín dị đoan như thế!

Rồi Thứ luôn tay xuống dưới xoa chiếc đùi cộm thịt của Liễu. Lợi dụng bàn tiệc ồn ào, Liễu nghiêng đầu nói thì thầm với Thứ: “Thế có sợ con ma này không?”. Thứ vênh hàm răng vầu lên nhớ tới cuộc đối thoại ta tây giả cây của mấy cụ bên bàn rượu ngày xưa buột miệng: “Nông, nông, xé lông tằm”. Mọi người chẳng hiểu Thứ nói gì nhưng đều hiểu đó là tiếng Tây nên

nhìn Thứ với đôi mắt khâm phục. Một ngọn nến bên quan tài chột phụt tắt.

Sáng hôm sau, mới năm giờ, gà vừa gáy tiếng đầu tiên gọi nhau trong sương sớm. Thứ lấy chiếc áo đại cán đã sờn cổ mua lại của một cụ bộ đội phục viên khoác lên mình. Chiếc áo này Thứ chỉ dám đem mặc vào các buổi đi dự hội nghị cấp huyện hoặc các ngày lễ quan trọng trong năm. Bởi mặc cái áo này vào trông con người có vẻ “oai” ra – khệnh khạng – trịnh trọng giữa bàn dân thiên hạ. Khi Thứ tới, mọi người đã có mặt đầy đủ. Tuấn được chỉ định làm người điều khiển tang lễ. Năm giờ bốn lăm, hai hàng nến mới được thay, ngọn tỏ, ngọn mờ lung linh trong khói nhang uốn lượn. Dàn kèn bát âm nỉ non cất giọng rồi tới dàn trống ếch cà tùng của đội thiếu niên át hẳn cái buồn thảm lúc nãy. Tuấn mời ban tang lễ và các đại diện ban ngành đoàn thể ra đứng trước quan tài. Sau đó trịnh trọng mời Trưởng ban ra đọc diếu tang. Thứ đọc y chang “khung” chỉ có tên người chết là khác. Có tiếng thì thầm trong bọn người được cử ở ban tang lễ: “Tớ ở cùng đơn vị với ông ấy trong trận Điện Biên, đã có xe tăng xe tiếc gì đâu mà bảo lái xe tăng”. Cuối

cùng mọi người cũng lặng lẽ lên cắm nhang cúi đầu trước vong linh cố chủ nhiệm. Giờ động quan, dàn trống thiếu nhi mở đường, rồi tới dàn bát âm, quan tài được đặt trên xe máy cày và cuối cùng là tang quyến và bà con thân thuộc, lối xóm. Cả một đoàn rồng rắn qua cổng làng, xong rẽ về phía tây ra khu nghĩa trang mới dành một nửa là các mộ liệt sĩ, một nửa là chính quyền lúc quy tiên. Khoảng chín giờ hơn cổng nghĩa trang khép kín. Mọi người theo lối tắt trên bờ ruộng về nhà vì hôm đó mới đầu hè mà nắng gắt. Cả cánh đồng hợp tác xã, ngọn lúa cuối mùa trắng như đám bông lau bay phơ phất.

Từ hôm đưa đám chôn xong, Liễu khép cửa im ỉm. Người ta không còn nghe thấy những bài ca hành quân hùng tráng vang dội ra tận ngõ xóm như ngày ông chủ nhiệm còn sống. Ai cũng khen Liễu là người thủ tiết. Nếu như thời phong kiến thì đã được ban cho bảng vàng đề bốn chữ “Tiết hạnh khả phong” rồi. Song có ai biết được là chỉ mới xong tuần thất đầu tiên cứ vào lúc mười giờ đêm là Liễu lại lặng lẽ ra sau mở cửa cho Thứ vào. Bên ngoài nhà, trên chiếc bàn gỗ mun bóng láng là di ảnh ông chủ nhiệm quay

mặt ra đằng trước, dưới là ngọn đèn vặn nhỏ toát ra ánh sáng mờ đục soi chén cơm cứng với đôi đũa tre còn bỏ lại. Bên trong, cũng trên chiếc giường ông “té ngựa” mới mấy ngày trước, Thứ đang lần mò cởi từng chiếc cúc áo của Liễu. Hơi thở Liễu như tắc nghẹn khi Thứ thè lưỡi ra khỏi hàm răng hô quét nhẹ trên hai đầu vú và bàn tay Thứ lùa sâu xuống háng. Thứ áp dụng chiến thuật “sé lông tằm” mơn trớn vuốt ve cho đến khi con môi phải tự động cầm lấy “đồ nghề” của Thứ đưa vào. Đôi mông Liễu nảy lên hạ xuống theo lời phì phò “sé lông tằm, sé lông tằm” của Thứ. Rồi Thứ hực lên đổ gục trên người Liễu cũng là lúc Liễu mềm nhũn trong cơn cực khoái – “Tiên sư chú – chú làm chị chịu hết nỗi rồi”. Liễu cười hình hích nói thắm vào tai Thứ.

Lúc hé mở cửa cho Thứ đi ra, Liễu còn ôm vai Thứ nũng nịu: Mai lại “sé lông tằm” nữa nghe. Trên nhà, bàn thờ ông chủ nhiệm, ngọn đèn dầu cạn tắt tự bao giờ không ai biết.

Nhưng đi đêm mãi có ngày cũng gặp ma. Đó là sáng thứ ba, khi cụ Tôm đi thả lờ về sớm thấy bóng Thứ từ lối vườn sau nhà Liễu ra. Vừa thả cá vào rổ

cho bà vợ đi bán sớm, vừa bảo nhỏ: Này bà, thằng Thứ vừa ở nhà con mẹ Liễu ra. Hóa ra xưa nay lối xóm làm cả. Ai cũng tưởng chồng nó chết, nó đóng cửa trình tiết thờ chồng, nào ngờ cũng chỉ là bọn mèo mả gà đồng cả thôi. Nghe chồng nói thế, bà vợ già cũng thuộc loại phong kiến bảo thủ buột miệng chửi đổng: “Cha tiên nhân bố tụi nó, lấy vải thưa che mắt thánh – chẳng qua cũng chỉ là phường đưa người cửa trước rước người cửa sau cả!”. Chẳng hiểu, hồi nhỏ bà có được đọc Kiều không? Mà nay tội thân nàng Kiều của cụ Nguyễn Du đưa vào đây thành câu chửi độc. Bên nhà, Liễu tỉnh giấc nghe tiếng chửi sỗ vọng qua, biết rằng việc lén lút gian dâm của mình đã lộ. Nghĩ cũng thấy xấu hổ, chồng mới chôn cất được có một tuần mà đã lén ngủ với trai thì còn mặt mũi nào nữa. Do đó, chờ lúc xóm vắng, Liễu lấy chiếc nón lá đi tắt ra nghĩa trang liệt sĩ rồi vòng đường cái vào Ủy ban, qua sân sang nơi làm việc của Thứ. Chưa biết việc lén lút của mình đã bại lộ, Thứ bảo Liễu vào phòng làm việc của mình rồi cọt nhả:

- Tối nay lại “sé lông tăng” nữa nhỉ!

Liễu nghiêm giọng:

- “Sé lông tàng” cái con khỉ. Lộ rồi. Đừng bò đến nữa.

- Sao? Đứa nào biết.

- Thế sớm qua về không gặp ai à? Lão Tôm bên cạnh ấy. Lão đi đổ lờ về sớm thấy ở vườn chui ra. Con vợ nó sáng nay chửi đổng qua, nghe mà lạnh xương!

- ĐM, nó kỳ này không cho thằng con lão ở đội cày nữa. Đuổi thẳng xem vợ chồng lão có trơ mồm ra không.

- Thôi đi ông nội. Đừng làm to chuyện mà nhục hết.

- Vậy bọn mình “sé lông tàng” ở đâu?

- Thế mới phải đến bàn. Quen rồi, chịu không nổi.

Mặt Liễu trơ ra đầy nhục dục nhìn Thứ:

- Này, hay là sé lông tàng buổi chiều tối ở ngoài nghĩa trang đi.

- Hay đấy. Lúc đó chẳng có ai. Hơn nữa đang sợ hãi trâu ma, bố đứa nào dám lai vãng.

- Vậy chiều mai sé lông tàng nhé?

Liễu đứng dậy cầm lấy nón bảo Thứ:

- Đến chỗ mả lão Thượng thư họ Trần ấy.

- Ủ.

Mả Thượng thư họ Trần, tính đến thời cải cách ngót đã trăm năm. Trước kia người ta thường gọi là mả cụ Thượng. Đó là một ngôi mả được xây bề thế chung quanh có tường xây bằng đá ong cao nửa thước. Phía đầu mả như điện thờ với mái cuốn cong che, một bức đá to dựng đứng trên mặt ghi tên họ, tên húy, công tích và ngày sinh ngày mất. Mặt ngoài là một khoảng sân khá rộng dùng để tế lễ. Xung quanh cây cối um tùm. Từ lâu không ai coi sóc nên cảnh quan lại càng trở nên thâm trầm u tịch bởi lau lách mọc vượt lên che hết cả bên trong. Sở dĩ vậy là do dòng họ con cháu lưu lạc, bỏ làng mạc nhà cửa đi hết từ khi đất nước Bắc Nam hai mối.

Chỗ mả ấy nằm ngay trung tâm bãi tha ma của làng. Người ta bảo, sở dĩ ngôi mộ được xây chỗ đó là vì cụ Thượng lúc sinh tiền đã bỏ tiền mua mấy mẫu ruộng vượt đất làm nghĩa địa cho dân làng, nhờ đó dân làng khi có người chết mới có nơi nằm yên nghỉ đời đời. Tên gọi *mả lão Thượng* được người ta gọi từ ngày tiền cách mạng.

Như đã hẹn cùng Thứ ngày hôm trước, chiều nay Liễu cắt nải chuối tiêu vừa chín bỏ vào giỏ cùng với thẻ nhang rồi đóng cửa, lững thững ra lối ngõ đi tắt theo bờ ruộng tới nghĩa trang. Liễu đặt nải chuối thấp ba nén nhang cắm trên mộ chồng rồi vái mấy vái lấy lệ. Lúc bảy giờ bóng chiều còn cao, nắng quái còn dạt dào trên những ngọn lau xanh bên kia bãi tha ma. Nhìn về phía cổng làng, Liễu thấy Thứ đang đạp xe ra. Người Liễu bỗng cảm thấy hồi hộp như ngày xưa lần đầu chờ đợi người yêu. Thế là Liễu tắt tả chạy về phía mả lão Thượng. Vừa lúc Thứ tới nơi. Thấy bóng Liễu đã lẫn vào sân mả, Thứ khoái chí huyết sáo bài Hồ kéo pháo duy nhất thuộc rồi nghêu ngao: “Sé lông tăng” là “Sé lông tăng”. Liễu ngồi dựa vào tường bảo:

- Rõ khỉ, sé lông tăng là cái gì mà hát hoài?

- Là “sé lông tăng” chứ là cái gì nữa.

Vừa nói, Thứ vừa ngồi xuống. *Lại mở, lại lừa, lại rê* trên da thịt Liễu như mọi khi. Thân hình hai người đen trắng lơ mờ trên sân lát gạch bát tràng. Trong lúc người Liễu đê mê mềm nhũn, Thứ bỗng hét lên, đẩy Liễu sang một bên và hốt hoảng kêu lên: Trâu húc,

tránh mau. Ngơ ngác, Liễu ngồi dậy. Nào có thấy trâu bò nào ở đây. Nhưng nhìn thấy Thứ đang hốt hoảng né bên nọ, tránh bên kia, Liễu nghĩ ngay đến lời dân làng đồn ma trâu xuất hiện ở bãi tha ma, nên cũng vội vàng quơ lấy đám quần áo của mình và Thứ rồi nép vội vào tường. Còn Thứ, né qua, né lại một lúc, Thứ vọt qua tường chạy dọc ra đường lộ. Càng chạy, Thứ càng thấy trâu đuổi gấp. Cuối cùng Thứ thấy bóng trâu trùm lên, hai chiếc sừng của nó đánh vào hai bên hông nhói buốt. Thứ té sấp xuống, lúc ngẩng lên chẳng thấy Trâu đâu chỉ thấy Liễu đang ôm mớ quần áo của mình chạy lại. Mặc vội quần áo vào, Thứ bảo Liễu đến lấy xe để mình nghỉ mệt. Liễu hỏi:

- Làm sao đang “sé lông tăng” mà bỏ dở nhảy nhót lung tung như ma đuổi ấy?

- Thế cô không thấy gì à?

- Thấy gì? Lạ nhỉ? Có thấy gì đâu?

- Sao tôi thấy con trâu đen bóng nó cứ nhảy chồm chồm vào húc tôi. Đến lúc tôi té ngã thì nó choang ngay hai mũi sừng vào hai bên bạng mỡ đây này.

Rồi Thứ nhờ Liễu coi xem có thương tích gì không,

Liều cúi xuống chẳng thấy trầy da sướt vấy gì bảo Thứ:

- Thôi đi ông tướng, ông bị ma ám rồi, làm gì có trâu, có bò húc ông. Bây giờ bọn mình có trở lại mà lão Thượng “húc” nhau không?

Nói xong, Liều đứng chống nạnh, cười hềnh hệch nhìn Thứ.

- Chạy mệt quá rồi, chẳng còn sức. Lấy hộ xe đạp, rồi về thôi. Hôm khác mới “sé lông tằm” nổi.

- Ủ thì về... về thì về!

Tông cửa bước vào, Thứ nằm vật xuống giường. Hai bên sườn vẫn con đau ê ẩm. Thứ nhớ lại lúc mình vừa đèo lên người Liều thì bóng con trâu nhà lão “thầy giáo – thợ cày” đã đứng sừng sững trước mặt. Chiếc sọ nó bể máu, đôi mắt mở to rực lửa từ từ tiến lại lấy chiếc mõ định hất Thứ lên. Thứ đã co rúm người né được nó mấy lần và chạy... Rồi bóng nó chồm qua Thứ toát ra hơi lạnh rợn người, hai sừng đưa ngang... Thứ nghĩ tới đó, uất lên và lẩm nhẩm: “Mày là trâu thực hay trâu ma, rồi ông cũng sẽ bắn nát đầu mày!”. Song chỉ vài ngày sau, hai bên sườn Thứ cứ từ từ ửng

đỏ lên, ấn vào thì đau nhói và hình như có một khối u. Rồi khối u đó cứ mỗi ngày một lớn, một đau thêm khiến mỗi lần đi đứng Thứ cứ phải còng lưng đưa đầu về phía trước đi như trâu. Cuối cùng đau quá Thứ phải lên bệnh viện cấp huyện nằm điều trị. Cũng chỉ là chữa bệnh theo lối “thủ công” sờ, nắn, bóp, nghe tứ tán rồi cho mấy viên thuốc trụ sinh, mấy viên giảm đau. Đêm đêm Thứ mê sảng ú ớ kêu “Con trâu! Con trâu!...” rồi tung mình ngồi dậy bò xuống gầm giường. Mất đại đi. Mấy bệnh nhân nằm cùng phòng đề nghị cho chuyển Thứ sang phòng khác. Nhưng bệnh viện thì nhỏ, người nằm còn phải chung hai người một giường, lấy đâu ra chỗ nào cho Thứ nằm riêng biệt. Cán bộ cấp cao thì may ra mới có tiêu chuẩn ấy. Người ta đành phải chuyển Thứ lên cấp tỉnh để đỡ vất vả điều trị cũng như bệnh nhân có làm sao cũng chẳng phải chịu trách nhiệm. Quả nhiên, số Thứ còn may lên tuyến trên các y bác sĩ khám cho biết Thứ bị khối u nên phải làm phẫu thuật chuẩn bị mổ. Kết quả hôm mổ, người ta lấy ra được hai cục thịt tím bầm.

Thứ trở về nhà, sức khỏe suy sụp dần, người như gập lại làm đôi. Đi đứng phải chống gậy như ông lão

tám mươi, chức chủ nhiệm mất, Thứ cũng chẳng tiếc gì, chỉ tiếc rằng từ nay chẳng còn ru câu “sé lông tằm” cùng Liễu được nữa. Cuộc đời cứ thế trôi đi trong cô quạnh. Nhiều lúc Thứ chống gậy, cố ngẩng đầu lên nhìn nắng chiều tụt xuống dần dần trên những ngọn cây cao quanh lăng mộ lão Thượng thư họ Trần ở bãi tha ma. Thở dài. Chờ đợi.